

Trường Đại học Ngoại thương  
Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế

# MÔN HỌC: ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

**Giảng viên: Trần Thanh Phương**

**Tel.: 0909 634388**

**Email: [phuong.tranthanh@ftu.edu.vn](mailto:phuong.tranthanh@ftu.edu.vn)**

# Chương 5: TỰ DO HOÁ ĐẦU TƯ VÀ CÁC KHU VỰC ĐẦU TƯ TỰ DO

**5.1. Xu hướng tự do hóa đầu tư**

**5.2. Những bước tiến mới trong chính sách đầu tư**

**5.3. Các khu vực đầu tư tự do**

**5.4. Nhận xét rút ra từ việc nghiên cứu quá trình tự do hóa đầu tư trên thế giới**

### 5.1.1. Khái niệm tự do hoá đầu tư

*Tự do hóa đầu tư là quá trình trong đó các rào cản đối với hoạt động đầu tư, các phân biệt đối xử trong đầu tư được từng bước dỡ bỏ, các tiêu chuẩn đối xử tiến bộ dần dần được thiết lập và các yếu tố để đảm bảo sự hoạt động đúng đắn của thị trường được hình thành.*

## 5.1.2. Nội dung tự do hoá đầu tư

### Loại bỏ rào cản, ưu đãi

- Hạn chế liên quan đến việc tiếp nhận và thành lập;
- Hạn chế về vốn và quyền kiểm soát của nước ngoài;
- Những hạn chế về hoạt động
- Các rào cản mang tính hành chính;
- *Các ưu đãi về thuế;*
- *Các ưu đãi khác về tài chính;*
- *Miễn thực hiện một số qui định của pháp luật.*

### Thiết lập tiêu chuẩn đối xử tiên bộ

- Không phân biệt đối xử;
- Đối xử công bằng và bình đẳng;
- Sử dụng công cụ quốc tế để giải quyết tranh chấp;
- Chuyển tiền;
- Tính minh bạch;
- Bảo hộ khỏi việc tước đoạt quyền sở hữu.

### Tăng cường giám sát thị trường

- Hạn chế, xóa bỏ sự can thiệp của chính phủ.

## Hình 2. Tự do hoá chính sách FDI

### Bóp méo thị trường

#### Những hạn chế

- Xâm nhập và thành lập
- Sở hữu và quản lý
- Hạn chế hoạt động
- Ủy quyền và báo cáo



#### Những ưu đãi

- Ưu đãi thuế
- Ưu đãi tài chính
- Ưu đãi khác

### Tiêu chuẩn đối xử

#### • NT, MFN

- Giải quyết tranh chấp đầu tư bởi trọng tài quốc tế



#### • Đối xử công và bình đẳng

- Chuyển tiền
- Tính minh bạch rõ ràng

### Giám sát thị trường

- Chính sách cạnh tranh (bao gồm M&A)
- Quy định về độc quyền

- Giám sát thận trọng
- Tiết lộ thông tin

## **Điều 8. Mở cửa thị trường, đầu tư liên quan đến thương mại**

Đề phù hợp với các quy định trong các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Nhà nước bảo đảm thực hiện đối với nhà đầu tư nước ngoài các quy định sau đây:

1. Mở cửa thị trường đầu tư phù hợp với lộ trình đã cam kết;
- 2. Không bắt buộc nhà đầu tư phải thực hiện các yêu cầu sau đây:**
  - a) Ưu tiên mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ trong nước hoặc phải mua hàng hóa, dịch vụ từ nhà sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ nhất định trong nước;
  - b) Xuất khẩu hàng hóa hoặc xuất khẩu dịch vụ đạt một tỷ lệ nhất định; hạn chế số lượng, giá trị, loại hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu hoặc sản xuất, cung ứng trong nước;
  - c) Nhập khẩu hàng hóa với số lượng và giá trị tương ứng với số lượng và giá trị hàng hóa xuất khẩu hoặc phải tự cân đối ngoại tệ từ nguồn xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu;
  - d) Đạt được tỷ lệ nội địa hóa nhất định trong hàng hóa sản xuất;
  - đ) Đạt được một mức độ nhất định hoặc giá trị nhất định trong hoạt động nghiên cứu và phát triển ở trong nước;
  - e) Cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại một địa điểm cụ thể ở trong nước hoặc nước ngoài;
  - g) Đặt trụ sở chính tại một địa điểm cụ thể.

## **Điều 12. Giải quyết tranh chấp**

1. Tranh chấp liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải, Trọng tài hoặc Tòa án theo quy định của pháp luật.

2. Tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong nước với nhau hoặc với cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết thông qua Trọng tài hoặc Tòa án Việt Nam.

3. Tranh chấp mà một bên là nhà đầu tư nước ngoài hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc tranh chấp giữa các nhà đầu tư nước ngoài với nhau được giải quyết thông qua một trong những cơ quan, tổ chức sau đây:

- a) Tòa án Việt Nam;
- b) Trọng tài Việt Nam;
- c) Trọng tài nước ngoài;
- d) Trọng tài quốc tế;
- đ) Trọng tài do các bên tranh chấp thoả thuận thành lập.

4. Tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết thông qua Trọng tài hoặc Tòa án Việt Nam, trừ trường hợp có thoả thuận khác trong hợp đồng được ký giữa đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhà đầu tư nước ngoài hoặc trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

## **Điều 6. Bảo đảm về vốn và tài sản**

1. Vốn đầu tư và tài sản hợp pháp của nhà đầu tư không bị quốc hữu hóa, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính.

2. Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia, Nhà nước trưng mua, trưng dụng tài sản của nhà đầu tư thì nhà đầu tư được thanh toán hoặc bồi thường theo giá thị trường tại thời điểm công bố việc trưng mua, trưng dụng.

Việc thanh toán hoặc bồi thường phải bảo đảm lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư.

**3. Đối với nhà đầu tư nước ngoài, việc thanh toán hoặc bồi thường tài sản quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi và được quyền chuyển ra nước ngoài.**

4. Thể thức, điều kiện trưng mua, trưng dụng theo quy định của pháp luật.



### 5.1.3. Tự do hóa đầu tư – xu thế tất yếu trong điều kiện toàn cầu hóa

## 5.1.4. Xu hướng tự do hóa đầu tư ở các nước và trên thế giới

### • **Tự do hóa đầu tư trước năm 1990**

- Cuối thế kỷ 19, FDI ngày càng quan trọng.
- Sau WWII, các nước tăng cường kiểm soát FDI. Nước XHCN ko cho FDI, nước ĐPT kiểm soát FDI. Hiến chương Havana (1948) → BIT.
- Từ 1960: bắt đầu tự do hóa đầu tư → Thành lập ICSID (1968)
- Từ 1970: vai trò cái nc ĐPT tăng → quy định xét duyệt + ưu đãi nhằm thu hút và điều tiết FDI.
- Từ 1980: vai trò nc ĐPT giảm, lâm vào khủng hoảng nợ. Nc PT phục hồi. Khối XHCN tan, chiến tranh lạnh kết thúc. Chuyển sang nền KTTT → tự do hóa, xúc tiến, bảo hộ đầu tư.

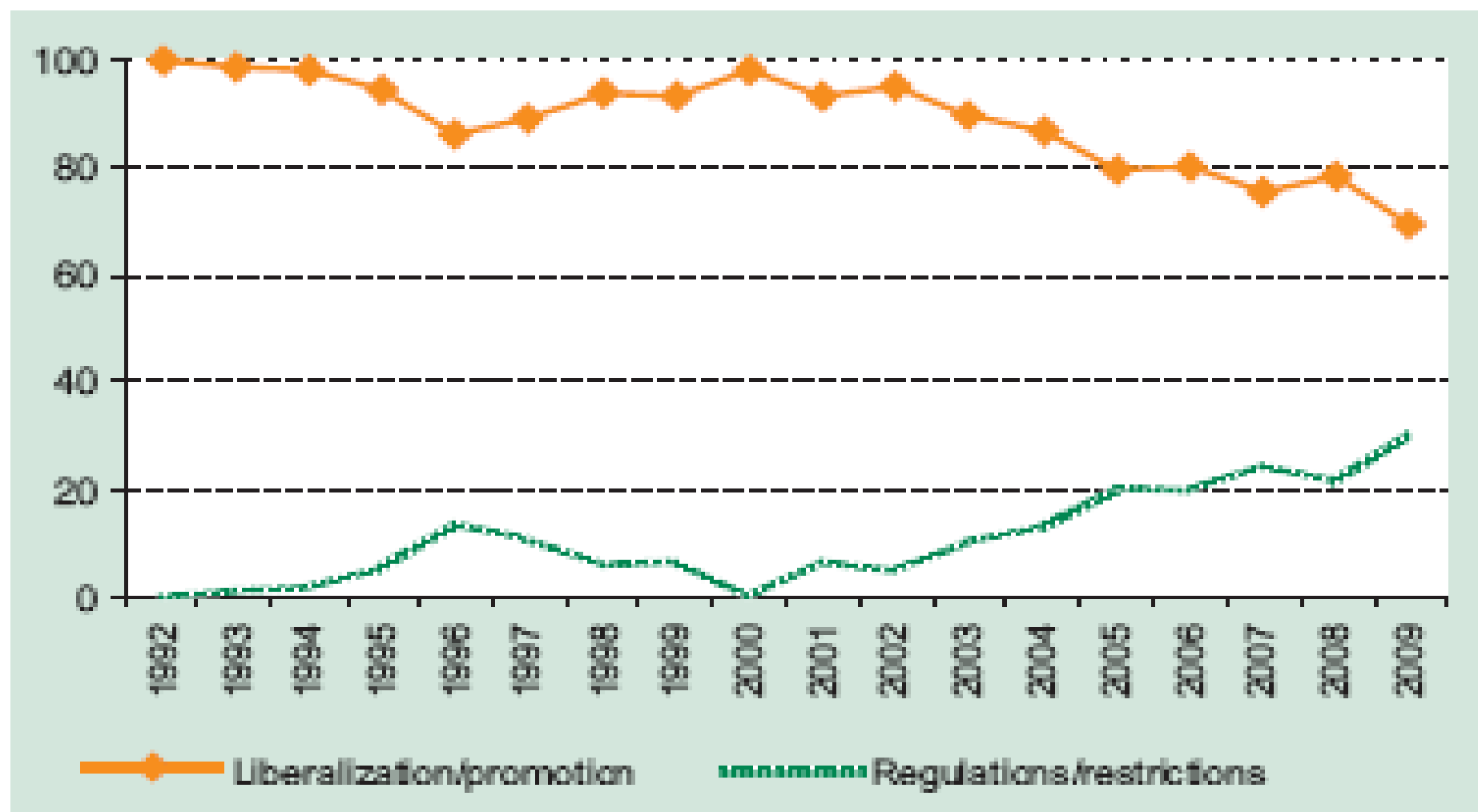
### • **Tự do hóa đầu tư sau năm 1990**

## 5.2. Những bước tiến mới trong chính sách FDI

- 5.2.1. Cấp quốc gia
  - Cải cách luật pháp và chính sách theo hướng tự do hóa
  - Có một số thay đổi đi ngược lại với xu hướng tự do hóa
- 5.2.2. Cấp quốc tế
  - Các hiệp định đầu tư song phương
  - Tự do hóa đầu tư trên phạm vi toàn cầu

<b>Năm</b>	<b>1991</b>	<b>1992</b>	<b>1993</b>	<b>1994</b>	<b>1995</b>	<b>1996</b>	<b>1997</b>	<b>1998</b>	<b>1999</b>
Số nước đã thực hiện các thay đổi về chế độ đối với FDI	35	43	57	49	64	65	76	60	63
Số lượng thay đổi	82	79	102	110	112	114	151	145	140
Trong đó:									
<b><i>Các thay đổi thuận lợi hơn cho FDI (a)</i></b>	<b>80</b>	<b>79</b>	<b>101</b>	<b>108</b>	<b>106</b>	<b>98</b>	<b>135</b>	<b>136</b>	<b>131</b>
Các thay đổi kém thuận lợi hơn cho FDI (b)	2	0	1	2	6	16	16	9	9
<b>Năm</b>	<b>2000</b>	<b>2001</b>	<b>2002</b>	<b>2003</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>	<b>2007</b>	<b>2008</b>
Số nước đã thực hiện các thay đổi về chế độ đối với FDI	69	71	70	82	103	92	91	58	55
Số lượng thay đổi	150	208	248	244	270	203	177	98	110
Trong đó:									
<b><i>Các thay đổi thuận lợi hơn cho FDI (a)</i></b>	<b>147</b>	<b>194</b>	<b>236</b>	<b>220</b>	<b>234</b>	<b>162</b>	<b>142</b>	<b>74</b>	<b>85</b>
Các thay đổi kém thuận lợi hơn cho FDI (b)	3	14	12	24	36	41	35	24	25

**Figure III.1. National regulatory changes, 1992–2009**  
(Per cent)



Source: UNCTAD database on national laws and regulations.

## 5.3. Các khu vực đầu tư tự do

- 5.3.1. Khu vực đầu tư ASEAN
- 5.3.2. Khu vực đầu tư EU
- 5.3.3. Khu vực đầu tư Bắc Mỹ
- 5.3.4. Xu hướng liên kết Đông Á